



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 13 tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Mã chứng khoán: C32

Trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3759.446 **Fax :** 0650.3755.605

Người thực hiện công bố thông tin: Lữ Minh Quân – Thư ký công ty

Địa chỉ: Ấp Chánh Long, xã Phú Chánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0913777057 – 0650 3759 446 **Fax :** 0650 3755 605

Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13 tháng 08 năm 2016 tại đường dẫn <http://www.cic32.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm BCTC bán niên soát xét 2016:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tt);
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
- Công văn giải trình LNST số 475/CTY-TGD ngày 13/8/2016.

LỮ MINH QUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 475/CTY-TGD

Bình Dương, ngày 13 tháng 08 năm 2016

(V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
6 tháng đầu năm 2016 tăng 17% so
với cùng kỳ năm 2015)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Mã chứng khoán: C32

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3759446

Fax: 0650.3755605

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2015 như sau:

❖ **Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016: 49.290.108.216 đồng**

❖ **Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015: 40.576.645.464 đồng**

Nguyên nhân:

Thị trường thuận lợi, Công ty đã đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm nên doanh thu 6 tháng đầu năm 2016 ở các lĩnh vực kinh doanh chính như công bê tông, đá xây dựng tăng so với cùng kỳ năm 2015, riêng lĩnh vực xây lắp giảm 24% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu giảm 2 tỷ đồng đạt 235,8 tỷ đồng, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu tăng ở các lĩnh vực có tỉ lệ lãi gộp cao như công và đá nên làm lãi gộp 6 tháng đầu năm 2016 tăng 8,7% so với cùng kỳ là 6 tỷ đồng đạt 69 tỷ đồng. Ngoài ra trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty còn phát sinh khoản thu nhập khác từ nhận tiền giải toả đền bù đất của đường Mỹ Phước Tân Vạn đi qua mỏ đá Tân Đông Hiệp của Công ty là 3,3 tỷ đồng, và khoản thu nhập tài chính tăng thêm



do bán các khoản đầu tư tài chính là 1,9 tỷ đồng. Riêng lĩnh vực xây dựng do giảm trừ các khoản bù giá thi công khi quyết toán các công trình cũ nên doanh thu và lợi nhuận đều giảm

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến lợi nhuận trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 tăng so với cùng kỳ năm 2015./.

Trân trọng !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Văn Lĩnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 37

1105
II NH
CÔNG TY
KIỂM
AA
4-TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Hùng	Thành viên
Ông Phan Thành Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 24/05/2016)
Ông Văn Hoàng Tùng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 24/05/2016)
Ông Nguyễn Lương Tâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lĩnh

C.T.L
+
H
J
A
N
H
I
M
I
N
H

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016
Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		338.665.510.243	346.329.349.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	9.608.776.220	21.859.220.439
111	1. Tiền		1.608.776.220	6.845.887.106
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	15.013.333.333
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	125.604.665.649	89.112.146.719
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.881.462.524	2.902.583.363
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.723.203.125	86.209.563.356
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		141.363.127.762	178.935.899.779
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	111.323.884.025	156.642.476.188
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.322.592.446	3.587.109.861
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	22.965.041.512	19.944.841.314
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.248.390.221)	(1.238.527.584)
140	IV. Hàng tồn kho	09	62.088.940.612	56.422.082.148
141	1. Hàng tồn kho		62.426.876.332	56.603.352.153
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(337.935.720)	(181.270.005)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		155.657.683.961	99.166.269.583
220	II. Tài sản cố định		88.298.143.238	89.350.661.644
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	42.064.236.734	42.518.664.910
222	- Nguyên giá		113.089.795.864	109.600.844.056
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.025.559.130)	(67.082.179.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	46.233.906.504	46.831.996.734
228	- Nguyên giá		79.099.887.427	79.099.887.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.865.980.923)	(32.267.890.693)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.999.813.100	-
231	- Nguyên giá		4.000.553.943	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(740.843)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		46.042.569.302	3.568.327.741
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	46.042.569.302	3.568.327.741
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	200.887.800	200.887.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200.887.800	200.887.800
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.116.270.521	6.046.392.398
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	14.942.451.975	3.872.573.852
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.173.818.546	2.173.818.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		494.323.194.204	445.495.618.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		144.643.263.336	119.808.544.697
310	I. Nợ ngắn hạn		137.441.263.336	119.808.544.697
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	16.873.903.502	27.469.393.428
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.529.787.545	5.312.753.991
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	24.812.204.384	33.429.264.795
314	4. Phải trả người lao động		4.168.361.500	10.721.930.632
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	13.745.339.575	16.460.369.845
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	8.058.767.491	7.886.900.657
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	49.283.956.699	12.154.496.722
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	255.861.695	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.713.080.945	6.373.434.627
330	II. Nợ dài hạn		7.202.000.000	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	7.202.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		349.679.930.868	325.687.073.971
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	349.679.930.868	325.687.073.971
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		112.000.000.000	112.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.000.000.000	112.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		102.524.405.374	75.176.884.813
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.155.525.494	138.510.189.158
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		85.865.417.278	37.223.075.970
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		49.290.108.216	101.287.113.188
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		494.323.194.204	445.495.618.668

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh

105-
NHÀ
TỶ T
KIỂM
ASC
PHC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	237.245.624.734	235.812.746.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	3.427.442.747	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		233.818.181.987	235.812.746.063
11	4. Giá vốn hàng bán	26	164.612.943.314	172.634.860.709
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.205.238.673	63.177.885.354
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.009.294.512	2.705.165.170
22	7. Chi phí tài chính	28	898.889.236	44.878.955
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		883.128.596	44.878.955
25	8. Chi phí bán hàng	29	7.004.536.734	4.150.339.313
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	7.576.352.637	5.872.616.776
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.734.754.578	55.815.215.480
31	11. Thu nhập khác	31	3.736.672.475	307.069.366
32	12. Chi phí khác	32	446.969.821	635.058.501
40	13. Lợi nhuận khác		3.289.702.654	(327.989.135)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.024.457.232	55.487.226.345
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	12.734.349.016	14.910.580.881
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>49.290.108.216</u>	<u>40.576.645.464</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	4.401	3.623

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc




Võ Văn Lãnh

306-C.1.1
NH
XHH
TOÁN
CHỈ MẪU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		303.763.696.987	280.400.740.423
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(193.435.028.126)	(169.206.193.210)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.735.514.695)	(27.650.420.516)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(883.128.596)	(44.878.955)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.389.496.465)	(13.648.944.465)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.053.597.219	268.205.318
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.248.284.186)	(31.464.936.856)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>17.125.842.138</i>	<i>38.653.571.739</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50.127.824.336)	(3.439.303.286)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.290.206.380)	(47.140.625.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.776.566.611	36.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.575.147.771	2.705.165.170
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(61.066.316.334)</i>	<i>(11.374.763.116)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		129.092.382.836	23.037.010.461
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(83.962.922.859)	(26.108.338.837)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.439.430.000)	(13.439.430.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>31.690.029.977</i>	<i>(16.510.758.376)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(12.250.444.219)</i>	<i>10.768.050.247</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.859.220.439	9.861.328.609
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>9.608.776.220</u>	<u>20.629.378.856</u>

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu



Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

Võ Văn Lãnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 112.000.000.000 VND tương đương với 11.200.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng dân dụng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất; văn phòng; nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ Tuynel);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá; cát; sỏi; đất; đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản;
- Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình);
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: góp vốn, mua cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Khai thác, chế biến đá
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Cống Bê tông	5/138 Đại Lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Cống bê tông ly tâm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Xây lắp	9C Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Xây lắp

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi số kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất cơ khí và công bê tông: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành..

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm	03 - 08 năm

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán .

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

006
ÁNH
TNHH
1 TOÁ
C
JCH

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	151.580.043	207.700.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.457.196.177	6.638.186.257
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	15.013.333.333
	9.608.776.220	21.859.220.439

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 5,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	100.723.203.125	100.723.203.125	86.209.563.356	86.209.563.356
	100.723.203.125	100.723.203.125	86.209.563.356	86.209.563.356

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 100,723 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 6,5%/năm.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 87,223 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	24.881.462.524	40.686.547.000	-	2.902.583.363	3.059.100.000	-
<i>Công ty Cổ phần Hóa An</i>	<i>24.881.462.524</i>	<i>40.686.547.000</i>	<i>-</i>	<i>2.902.583.363</i>	<i>3.059.100.000</i>	<i>-</i>
	24.881.462.524	40.686.547.000	-	2.902.583.363	3.059.100.000	-

Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đăng ký mua thành công số lượng 1.357.610 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa An (mã chứng khoán DHA). Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2016 của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	200.887.800	-	200.887.800	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	200.887.800	-	200.887.800	-
	200.887.800	-	200.887.800	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ban quản lý dự án Thị xã Thủ Dầu Một	22.700.927.000	43.575.454.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương	16.325.797.000	17.666.064.000
- Ban quản lý dự án huyện Dầu Tiếng	5.104.926.000	5.386.694.000
- Ban quản lý dự án huyện Phú Giáo	21.400.814.000	27.900.814.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	45.791.420.025	62.113.450.168
	111.323.884.025	156.642.476.188

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Ô tô Tây Á	1.715.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Cơ Khí Xây dựng Quang Uy	1.074.182.849	-	-	-
Khách hàng khác	5.533.409.597	-	3.587.109.861	-
	8.322.592.446	-	3.587.109.861	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng	15.052.633.107	-	13.230.424.107	-
- Ký cược, ký quỹ	5.688.657.842	-	3.986.558.698	-
- Phải thu BHXH	3.502.622	-	12.613.117	-
- Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	2.119.877.283	-	2.617.747.548	-
- Phải thu khác	100.370.658	-	97.497.844	-
	22.965.041.512	-	19.944.841.314	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiến Phát	670.504.913	469.353.439	-	-
+ Công ty TNHH Quang Phước	264.782.117	-	264.782.117	-
+ Công ty TNHH TMXD Hoàng Minh Tâm	211.738.124	-	211.738.124	63.521.437
+ Công ty Cổ phần TM XD Đình Nghiệp	419.829.757	209.914.878	519.829.757	363.880.830
+ Công ty CP XL Vật tư Hoàng Ngân	-	-	138.088.984	84.662.289
+ Đối tượng khác	451.277.161	90.473.534	750.422.130	134.268.972
	2.018.132.072	769.741.851	1.884.861.112	646.333.528

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu:

Trong số dư nợ các khoản nợ xấu tại ngày 30/06/2016 bao gồm 489,257 triệu VND là công nợ phải thu khách hàng đã được lập hồ sơ khởi kiện, 565,949 triệu VND công nợ phải thu khách hàng đã khởi kiện và đã có phán quyết của Tòa án với kết quả tiền lãi chậm trả chưa được ghi nhận số tiền 77,010 triệu VND và 217,543 triệu VND tiền bồi thường tài sản.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.854.182.380	(26.079.539)	6.757.858.073	(55.719.277)
Công cụ, dụng cụ	-	-	157.436.810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.662.740.780	-	18.676.560.357	-
Thành phẩm	27.855.366.159	(311.856.181)	30.030.303.580	(125.550.728)
Hàng hoá	285.049.828	-	23.237.865	-
Hàng gửi đi bán	769.537.185	-	957.955.468	-
	62.426.876.332	(337.935.720)	56.603.352.153	(181.270.005)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công trình Xưởng bê tông Thạnh Phước ⁽¹⁾	606.970.159	-
- Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ⁽²⁾	45.030.567.166	-
- Công trình thi công Trường mẫu giáo An Phú ⁽³⁾	-	3.188.295.846
- Công trình khác	405.031.977	380.031.893
	46.042.569.302	3.568.327.741

(1) Đây là dự án đầu tư Nhà máy sản xuất công bê tông đúc sẵn và gạch không nung các loại tại Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương đã được Hội Đồng Quản Trị của Công ty thông qua theo Nghị Quyết số 04/NQ-HDQT ngày 15/03/2016. Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 11/04/2016, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Công ty. Một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- + Mục tiêu của dự án: Sản xuất gạch không nung, công bê tông các loại, gạch terrazzo, gạch bê tông tự chèn và gạch block bê tông;
- + Tổng vốn đầu tư: 168,39 tỷ đồng;
- + Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm;
- + Thời gian dự kiến bắt đầu sản xuất: Quý 1 năm 2017.

(2) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện dự án Xưởng bê tông Thạnh Phước, khu đất nhận chuyển nhượng với diện tích 45.427,6 m² tại Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Ngày 15/07/2016, Quyền sử dụng đất này đã được cấp cho Công ty theo Giấy chứng nhận số CD 621056.

(3) Đây là dự án trường mẫu giáo An Phú được Công ty đầu tư với mục đích an sinh xã hội theo Quyết định số 82/QĐ-CTY ngày 13 tháng 10 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty, Công trình có tổng vốn đầu tư ban đầu là 6,207 tỷ VND tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công trình đã hoàn thành và sử dụng cho mục đích cho thuê trong kỳ.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	22.820.621.154	56.432.690.994	29.251.919.645	1.095.612.263	109.600.844.056
- Mua trong kỳ	-	1.022.033.196	2.630.995.636	-	3.653.028.832
- Thanh lý, nhượng bán	(164.077.024)	-	-	-	(164.077.024)
Số dư cuối kỳ	22.656.544.130	57.454.724.190	31.882.915.281	1.095.612.263	113.089.795.864
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.263.784.190	42.222.101.335	13.532.909.421	1.063.384.200	67.082.179.145
- Khấu hao trong kỳ	689.068.167	1.674.238.877	1.715.546.456	28.603.508	4.107.457.063
- Thanh lý, nhượng bán	(164.077.024)	-	-	-	(164.077.024)
Số dư cuối kỳ	10.788.775.333	43.896.340.212	15.248.455.877	1.091.987.708	71.025.559.130
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	12.556.836.964	14.210.589.659	15.719.010.224	32.228.063	42.518.664.910
Tại ngày cuối kỳ	11.867.768.797	13.558.383.978	16.634.459.404	3.624.555	42.064.236.734

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.707.377.651 VND

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	78.581.967.427	517.920.000	79.099.887.427
Số dư cuối kỳ	78.581.967.427	517.920.000	79.099.887.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	31.978.365.135	289.525.558	32.267.890.693
- Khấu hao trong kỳ	549.090.228	49.000.002	598.090.230
Số dư cuối kỳ	32.527.455.363	338.525.560	32.865.980.923
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	46.603.602.292	228.394.442	46.831.996.734
Tại ngày cuối kỳ	46.054.512.064	179.394.440	46.233.906.504

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.244.762.220 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tăng trong kỳ từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành đang được sử dụng để cho thuê là Trường mẫu giáo An Phú với nguyên giá 4.000.553.943 đồng, khấu hao trong kỳ là 740.843 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Phân bổ công cụ dụng cụ	4.042.142.562	3.305.702.793
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	10.262.243.160	-
- Chi phí sửa chữa xe, nhà kho XN Xây lắp	543.554.455	377.847.453
- Chi phí tư vấn chiến lược	94.511.798	189.023.606
	14.942.451.975	3.872.573.852

(*) Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2. Theo đó, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá Tân Đông Hiệp xuống sâu đến cote -120m là 13.682.990.880 đồng, số tiền trên được phân bổ trong vòng 2 năm theo thời hạn khai thác đã được cấp phép.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- TCT Vật liệu XD số 1 - TNHH MTV	178.959.000	178.959.000	758.202.119	758.202.119
- Hợp tác xã Phúc Tài	2.272.762.292	2.272.762.292	2.382.082.923	2.382.082.923
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng B.M.T	4.410.900	4.410.900	4.051.397.688	4.051.397.688
- Phải trả các đối tượng khác	14.417.771.310	14.417.771.310	20.277.710.698	20.277.710.698
	16.873.903.502	16.873.903.502	27.469.393.428	27.469.393.428

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Ban quản lý dự án Thị Xã Dĩ An	1.531.046.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	4.998.741.545	-	5.312.753.991	-
	6.529.787.545	-	5.312.753.991	-

17 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương	12.154.496.722	12.154.496.722	116.749.461.840	80.418.001.863	48.485.956.699	48.485.956.699
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	3.544.920.996	3.544.920.996	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	798.000.000	-	798.000.000	798.000.000
	<u>12.154.496.722</u>	<u>12.154.496.722</u>	<u>121.092.382.836</u>	<u>83.962.922.859</u>	<u>49.283.956.699</u>	<u>49.283.956.699</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-			(798.000.000)	(798.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			<u>7.202.000.000</u>	<u>7.202.000.000</u>

Thông tin bổ sung khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng thấu chi số 043/16/87982/HĐ ngày 16/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức thấu chi: 100 tỷ VND;
- Mục đích thấu chi
 - + Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời;
 - + Thanh toán Chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh
- Thời hạn thấu chi từ: 16/05/2016; Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: tối đa đến ngày 31/5/2017;

- Lãi suất thảuchi: 5,75%/ năm được áp dụng tới ngày 27/05/2016 và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng, tối đa không qua lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 02 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 2%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thảuchi tại ngân hàng;
 - + Cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương để đảm bảo các khoản vay;
- Dư nợ thảuchi tại thời điểm 30/06/2016 là 48.485.956.699 VND;

Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 16.52.077/2016-HĐTD/NHCT640-CTCP ĐAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 20/06/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 06 phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 8% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HĐTC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo được định giá lại là 23.967.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2016 là 8.000.000.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 798.000.000 đồng.

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.855.137.836	23.410.832.749	25.459.186.431	-	1.806.784.154
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.189.496.465	12.734.349.016	17.389.496.465	-	8.534.349.016
- Thuế thu nhập cá nhân	-	457.600.638	1.376.754.052	1.514.304.790	-	320.049.900
- Thuế tài nguyên	-	2.781.142.932	6.604.985.757	8.370.278.854	-	1.015.849.835
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	19.979.891	19.979.891	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.145.886.924	15.256.670.010	15.267.385.455	-	13.135.171.479
	-	33.429.264.795	59.403.571.475	68.020.631.886	-	24.812.204.384

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình	9.129.919.806	12.339.671.197
- Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4.050.632.039	4.050.632.039
- Chi phí thuê đất	514.787.730	-
- Chi phí phải trả khác	50.000.000	70.066.609
	13.745.339.575	16.460.369.845

20 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	92.354.820	84.387.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.633.155	16.063.155
- Phải trả Ông Lê Hữu Mai tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	903.234.000	-
- Phải trả tiền tạm giữ bảo hành của các đội thi công, thầu phụ	6.073.926.623	6.191.300.167
- Phải trả tiền thù lao Hội đồng quản trị	742.001.000	1.302.540.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	230.617.893	292.609.935
	8.058.767.491	7.886.900.657

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	255.861.695	-
	255.861.695	-

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	112.000.000.000	55.789.784.378	92.460.443.844	260.250.228.222
Lãi trong kỳ trước	-	-	40.576.645.464	40.576.645.464
Trích lập các quỹ	-	19.387.100.435	(19.387.100.435)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.590.203.784)	(3.590.203.784)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(1.436.081.514)	(1.436.081.514)
Số dư cuối kỳ trước	112.000.000.000	75.176.884.813	95.183.703.575	282.360.588.388
Số dư đầu kỳ này	112.000.000.000	75.176.884.813	138.510.189.158	325.687.073.971
Lãi trong kỳ này	-	-	49.290.108.216	49.290.108.216
Trích lập các quỹ	-	27.347.520.561	(27.347.520.561)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.857.251.319)	(11.857.251.319)
Số dư cuối kỳ này	112.000.000.000	102.524.405.374	135.155.525.494	349.679.930.868

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-DHCD ngày 21 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	100,00	101.287.113.188
Trích Quỹ đầu tư phát triển	27,00	27.347.520.561
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	11,71	11.857.251.319
Chi trả cổ tức 24%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.400 đồng)	26,54	26.880.000.000
- Đã tạm ứng 12% trong năm 2015		13.440.000.000
- Chia 12% còn lại trong kỳ này		13.440.000.000
Lợi nhuận còn lại năm 2015 chưa phân phối	34,76	35.202.341.308

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	37,90	42.443.400.000	51,00	57.120.000.000
- America LLC	6,88	7.709.300.000	6,88	7.709.300.000
- PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	5,50	6.164.000.000		
- PETER ERIC DENNIS	7,67	8.591.400.000		
- Cổ đông khác	42,05	47.091.900.000	42,12	47.170.700.000
	100	112.000.000.000	100	112.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	112.000.000.000	112.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	112.000.000.000	112.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.440.000.000	13.440.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	102.524.405.374	75.176.884.813
	102.524.405.374	75.176.884.813

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	12.148.500	12.148.500
- Võ Anh Phương	3.466.000	3.466.000
- Phạm Duy Diệp	496.337	496.337
- Nguyễn Vương Hồng Phú	5.331.000	5.331.000
- Trường Trung học Kinh tế	26.100.000	26.100.000
- Cơ sở trà Thanh Đào	3.750.000	3.750.000
- Công ty TNHH Đông Á	11.000	11.000
- Công ty Cổ phần Lê Nguyễn	720.000	720.000
- Ông Khuru Văn Khương	247.016	247.016
- Công ty TNHH Minh Nhật	145.124	145.124
- Công ty TNHH Ngọc Thái Khang	2.887.592	2.887.592
- Công ty TNHH Bảo Ngọc	4.547.733	4.547.733
- Công ty TNHH Khải Thành	4.515.543	4.515.543
- Nguyễn Thị Thanh Loan	9.284.880	9.284.880
- Công ty TNHH Minh Châu	826.945	826.945
- Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	183.611.848	183.611.848
- Công ty TNHH Lê Phúc Vinh	363.348.930	363.348.930
- Công ty CP Đầu tư Thương mại & Xây dựng giao thông 1	4.784.388	4.784.388
- Công ty TNHH MTV Phan Vũ	338.690	338.690
- Võ Thị Lý Em	32.780	32.780
- Phạm Minh Chánh	213.140	213.140
- Nguyễn Hoàng Lê	1.155.213	1.155.213
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	114.014.787	114.014.787
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long	33.505.980	33.505.980
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Hải	484.735.894	484.735.894
- Công ty TNHH Tư vấn Khai Nam	35.185.130	35.185.130
- Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Nam Trung Việt	78.833.844	78.833.844
	1.374.238.294	1.374.238.294

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	155.809.210.200	150.916.667.954
Doanh thu bán hàng hóa	27.406.579.786	18.566.636.679
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.815.906.883	2.216.332.378
Doanh thu kinh doanh bất động sản	54.545.455	4.866.393.600
Doanh thu hợp đồng xây dựng	51.159.382.410	59.246.715.452
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	47.731.939.663	59.246.715.452
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	296.188.407.739	221.010.948.179
	237.245.624.734	235.812.746.063



25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	3.427.442.747	-
	3.427.442.747	-

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	89.250.760.089	92.557.994.787
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.195.826.670	17.353.612.235
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.473.724.715	1.265.709.896
Giá vốn kinh doanh bất động sản	740.843	4.159.735.131
Giá vốn hoạt động xây dựng	48.535.225.282	57.460.518.787
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	156.665.715	(162.710.127)
	164.612.943.314	172.634.860.709

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	3.077.277.506	2.705.165.170
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	1.928.608.880	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.408.126	-
	5.009.294.512	2.705.165.170

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	883.128.596	44.878.955
Phí môi giới bán chứng khoán	15.760.640	-
	898.889.236	44.878.955

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân công	339.953.073	134.858.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.664.583.661	4.015.480.995
	7.004.536.734	4.150.339.313

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.144.992	77.658.507
Chi phí nhân công	4.380.860.991	3.488.626.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.396.760	537.638.075
Chi phí dự phòng	13.582.637	109.022.572
Thuế, phí, lệ phí	943.466	11.084.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	852.169.737	939.803.657
Chi phí khác bằng tiền	1.911.254.054	708.783.784
	7.576.352.637	5.872.616.776

31 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập phát sinh từ nợ khó đòi đã xử lý	-	70.000.000
Thu nhập từ nhượng bán vật tư thanh lý	-	47.318.182
Thu nhập từ nhận đền bù thu hồi đất (*)	3.365.720.000	-
Cho thuê đất và nhà tại KDC Nguyễn Văn Tiết	153.251.027	-
Thu nhập khác	217.701.448	189.751.184
	3.736.672.475	307.069.356

(*) Khoản thu nhập từ bồi thường đất tại Xí nghiệp Đá xây dựng theo Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn.

32 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	446.853.963	34.712.937
Các khoản chi phí mang tính phúc lợi được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ	-	590.928.000
Chi phí khác	115.858	9.417.564
	446.969.821	635.058.501

08-C.T.1
NH
HH
TOÀN
CHI MINH

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	62.024.457.232	54.904.312.912
Các khoản điều chỉnh tăng	1.647.287.852	1.128.641.806
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.331.195.597)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	63.671.745.084	54.701.759.121
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.734.349.016	12.034.387.007
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	2.747.952.919
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	13.189.496.465	6.478.698.485
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(17.389.496.465)	(13.520.703.510)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	8.534.349.016	7.740.334.901
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	582.913.433
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	582.913.433
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	-	128.240.955
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	-	(128.240.955)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.734.349.016	14.910.580.881
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	8.534.349.016	7.740.334.901

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.290.108.216	40.576.645.464
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	49.290.108.216	40.576.645.464
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.200.000	11.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.401	3.623

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.608.776.220	-	-	9.608.776.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.040.535.316	-	-	133.040.535.316
Các khoản cho vay	100.723.203.125	-	-	100.723.203.125
Đầu tư ngắn hạn	24.881.462.524	-	-	24.881.462.524
Đầu tư dài hạn	-	200.887.800	-	200.887.800
	268.253.977.185	200.887.800	-	268.454.864.985
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.859.220.439	-	-	21.859.220.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.348.789.918	-	-	175.348.789.918
Các khoản cho vay	86.209.563.356	-	-	86.209.563.356
Đầu tư ngắn hạn	2.902.583.363	-	-	2.902.583.363
Đầu tư dài hạn	-	200.887.800	-	200.887.800
	286.320.157.076	200.887.800	-	286.521.044.876

1110
NH
NG TY
KIẾ
AAS
TP.H

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	49.283.956.699	7.202.000.000	-	56.485.956.699
Phải trả người bán, phải trả khác	24.932.670.993	-	-	24.932.670.993
Chi phí phải trả	13.745.339.575	-	-	13.745.339.575
	87.961.967.267	7.202.000.000	-	95.163.967.267
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	12.154.496.722	-	-	12.154.496.722
Phải trả người bán, phải trả khác	35.356.294.085	-	-	35.356.294.085
Chi phí phải trả	16.460.369.845	-	-	16.460.369.845
	63.971.160.652	-	-	63.971.160.652

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN KHÁC

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (khai thác đá). Theo điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ phải nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản căn cứ vào Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ Cơ quan thuế.

Từ năm 2013, Công ty đã trích trước khoản phải phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, theo đó phí cấp quyền khai thác khoáng sản qua các năm phải nộp như sau:

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Giá trị	Số đã nộp	Số còn phải nộp tại
			30/06/2016
	VND	VND	VND
Năm 2013	10.951.988.130	-	10.951.988.130 (*)
Năm 2014	3.221.030.340	(3.221.030.340)	-
Năm 2015	7.986.260.880	(7.986.260.880)	-
Năm 2016	13.682.990.880	(13.682.990.880)	- (**)
Cộng	22.159.279.350	(11.207.291.220)	10.951.988.130

(*) Khoản phí tính từ năm 2011 - thời điểm Luật Khoáng sản có hiệu lực đến năm 2013. Theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 18/09/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -100m, khoản phí này tạm thời Ngân sách Nhà nước chưa thu cho đến khi có văn bản yêu cầu nộp của Cơ quan có thẩm quyền.

(**) Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -120m, tổng trữ lượng tính quyền khai thác là 1.949.144 m³.

006
ANH
TNHH
TOÀN
C
CHIA

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 15/07/2016, Quyền sử dụng khu đất có diện tích 45.427,6 m2 tại Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương đã được chuyển giao cho Công ty theo Giấy chứng nhận số CD 621056, diện tích khu đất trên được sử dụng để triển khai dự án đầu tư Xưởng bê tông Thuận Phước đã được Hội đồng Quản Trị Công ty phê duyệt theo Nghị Quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 15/03/2016.

Ngoài các nội dung nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực xây dựng VND	Lĩnh vực sản xuất VND	Lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	47.731.939.663	155.809.210.200	30.277.032.124	233.818.181.987
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.624.157.128	66.558.450.111	22.631.434	69.205.238.673
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	50.127.824.336	-	50.127.824.336
Tài sản bộ phận	100.911.762.632	329.401.699.294	64.009.732.277	494.323.194.204
Tổng tài sản	100.911.762.632	329.401.699.294	64.009.732.277	494.323.194.204
Nợ phải trả của các bộ phận	29.527.658.882	96.385.800.410	18.729.804.044	144.643.263.336
Tổng nợ phải trả	29.527.658.882	96.385.800.410	18.729.804.044	144.643.263.336

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá và xây lắp chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

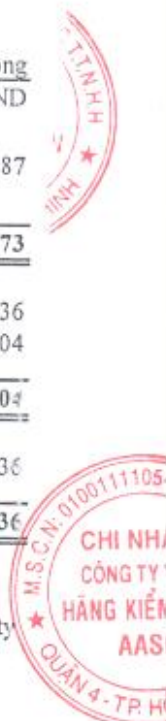
Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng Công ty Sản xuất - XNK Bình Dương TNHH MTV Công ty mẹ		
- Chia cổ tức	6.854.400.000	6.854.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.534.325.350	2.507.990.363



41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ này và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: aaschn@hn.vnn.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 8 3945 0505 - (84) 8 3945 0606 | F: (84) 8 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp.HCM

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh